

Số: 48 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Setia - Becamex

Thực hiện Quyết định số 47/QĐ-TTr ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, ngày 10/3/2023, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần Setia - Becamex; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. Những vấn đề chung

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Setia – Becamex (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700945605 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 08/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/7/2018.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: kinh doanh bất động sản và dịch vụ môi giới bất động sản, đầu tư các dự án xây dựng.
- Điện thoại giao dịch: 0274 3577255; Fax: 0274 3577255.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Tài khoản giao dịch số 65010000532343 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.
- Doanh nghiệp chưa thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.
- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 66 người.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.



2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy trình tuyển dụng lao động. Khi có kế hoạch tuyển dụng, doanh nghiệp đăng thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Doanh nghiệp tuyển dụng bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp. Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp tuyển mới 19 lao động.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Doanh nghiệp không xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề cho người lao động.

- Doanh nghiệp cập nhật thông tin theo dõi, quản lý người lao động bằng sổ quản lý người lao động bản điện tử.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 66 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 66 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 18 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (từ đủ 03 tháng đến 36 tháng): 48 người;

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Hợp đồng lao động giao kết với người lao động ghi chưa ghi cụ thể theo quy định: mục địa điểm làm việc ghi “Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương hoặc bất kỳ nơi nào khác theo yêu cầu của Công ty”, mục nghỉ lễ ghi “theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành”; mục trang bị bảo hộ lao động để trống.

- Số lao động bị mất việc làm từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 0 người.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc: không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 24 người, không có lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ 02 lần/năm.

- Doanh nghiệp chưa ký kết thỏa ước lao động tập thể.

- Việc thực hiện các nội dung TULĐTT đã ký: không phát sinh.

- Việc gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương: không phát sinh.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân: mức thấp nhất: 5.200.000 đồng/người/tháng; mức cao nhất: 191.311.932 đồng/người/tháng; mức trung bình: 20.648.855 đồng/người/tháng.
- Doanh nghiệp áp dụng phương pháp trả lương bằng tiền mặt và trả qua tài khoản. Chi phí mở tài khoản và chuyển tiền lương do doanh nghiệp chi trả.
- Doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian theo tháng.
- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ cho người lao động.
- Tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm vào ban đêm: không phát sinh.
- Doanh nghiệp đã trả lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc.
- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh
- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.
- Doanh nghiệp hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 40.000 đồng/người/ca.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần:
 - + Làm việc 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với người lao động thuộc khối hành chính;
 - + Làm việc 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần đối với người lao động thuộc khối kỹ thuật, công nhân chăm sóc cảnh quan;
 - + Làm việc theo ca 8 giờ, 48 giờ/tuần đối với người lao động thuộc khối kinh doanh, bảo vệ.
- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi:
 - + Nghỉ trong giờ làm việc: 45 phút
 - + Nghỉ giữa ca: 45 phút
- Số giờ làm thêm hằng ngày, hằng tuần và hằng năm: doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không quá 40 giờ/ tháng, không quá 200 giờ/năm.
- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường làm đủ 12 tháng được nghỉ 12 ngày và cứ đủ 5 năm làm việc người lao động được nghỉ thêm 1 ngày.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm làm đủ 12 tháng được nghỉ 14 ngày và cứ đủ 5 năm làm việc người lao động được nghỉ thêm 1 ngày.

+ Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật.

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: nghỉ giải lao 15 phút trong giờ làm việc.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Số lao động nữ: 28 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Doanh nghiệp chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

- Số lao động là người nước ngoài doanh nghiệp đang sử dụng: 02 người.

- Số lao động là người nước ngoài thuộc đối tượng phải có giấy phép lao động: 02 người.

- Số lao động là người nước ngoài đã được cấp giấy phép và còn thời hạn: 02 người.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Số lao động là người khuyết tật: 0 người.

- Số lao động là người cao tuổi: 05 người.

- Việc thực hiện chế độ giảm giờ làm việc đối với lao động cao tuổi: người lao động được kéo dài thời gian nghỉ ngơi giữa ca thêm 1 giờ.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần cho lao động là người cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tranh chấp, khiếu nại về lao động, không xảy ra đình công.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 17 người (trồng, duy trì, chăm sóc cây, cỏ).

- Không có lao động làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 06 người (giám sát thi công).

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

- Doanh nghiệp không thành lập hội đồng an toàn, vệ sinh lao động do không thuộc trường hợp phải thành lập.

- Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Số lượng người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 01 người bán chuyên trách.

- Đã ký hợp đồng với cơ sở khám, chữa bệnh để chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

- Doanh nghiệp không sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động tại doanh nghiệp.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không áp dụng do không có yếu tố có hại vượt tiêu chuẩn.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.
- Đã quan trắc môi trường lao động hằng năm.
- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động; khám sức khỏe ít nhất 06 tháng/lần đối với lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm; tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.
- Chưa lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN)

- Số người thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN: 66 người.
- Số người đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN: 66 người, số người không thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN: 0 người.
- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN là tiền lương, phụ cấp lương theo hợp đồng lao động và trả thực tế cho người lao động.
- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN đến hết tháng 02/2023.

III. Kết luận

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động, báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.2. Thực hiện tuyển dụng trực tiếp; không thu phí tuyển dụng người lao động.
- 1.3. Đã giao kết hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.
- 1.4. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; ký kết và gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.5. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động; mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định; trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động; đã trả lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc; hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 40.000 đồng/người/ngày.
- 1.6. Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần không vượt quá thời gian quy định; huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm.

1.7. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương và ngày nghỉ hằng năm theo quy định.

1.8. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động; đã quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.

1.9. Đã thực hiện các quy định đối với lao động nữ: giảm thời giờ làm việc đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh; đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm, buồng vệ sinh và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi sinh.

1.10. Doanh nghiệp sử dụng 02 lao động là người nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động và còn thời hạn.

1.11. Đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần đối với lao động là người cao tuổi.

1.12. Đã thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động: thống kê lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động; xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc; trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.13. Đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 100% người lao động thuộc đối tượng tham gia; tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là tiền lương, phụ cấp lương theo hợp đồng lao động và trả thực tế cho người lao động; đã đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 02/2023.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa xây dựng kế hoạch hằng năm về đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ luật Lao động.

2.2. Hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động có nội dung ghi chưa cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên: mục công việc phải làm ghi “theo sự phân công của công ty”, mục chế độ nghỉ ngơi ghi “theo quy định của Luật lao động hiện hành”, mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo quy định công ty” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019 và Chương II Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.4. Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.5. Chưa lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe người lao động là chưa đúng theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không.

V. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp khắc phục các vi phạm nêu tại phần 2, mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục vi phạm tại điểm 2.2 và 2.5 khi có phát sinh.
- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị (kèm các tài liệu chứng minh) về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. /

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (đề t/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr BộLĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng

